TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **82**/2026/DS-ST
Ngày: 20/5/2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh
2. Ông Lê Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan H - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 591/2025/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2026/QĐXXST-DS ngày 25/3/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2026/QĐST-DS ngày 20/4/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP V (V1)

Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội;

Địa chỉ liên lạc: A L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Phó Giám đốc Trung tâm X;

Ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thành L, ông Nguyễn Hoàng Xuân H1, ông Nguyễn Trọng T1, Bà Võ Thị Thùy L1 – Cán bộ xử lý nợ. (ông T1 có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Bà Trịnh Thị Cẩm N, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ D, khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T1 trình bày:

Giữa Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Trịnh Thị Cẩm N đã Hợp đồng cho vay số: LD 2322901721 ngày 17/8/2023 với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 47.000.000 đồng;

- Thời hạn vay: 36 tháng;

- Lãi suất: 38%/năm cố định đến ngày 01/01/2024. sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Việc điều chỉnh lãi suất được thực hiện định kỳ vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm;

- Ngày giải ngân: 17/8/2023;

- Ngày đến hạn 15/8/2025;

- Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm.

Sau khi ký các hợp đồng tín dụng trên Ngân hàng đã giải ngân cho bà N theo khoản vay như trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 15/6/2024. Vì vậy, V1 đã chuyển toàn bộ khoản nợ của khách hàng sang nợ quá hạn, đồng thời yêu cầu khách hàng thanh toán toàn bộ khoản nợ và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng vay.

Tạm tính đến ngày 20/05/2026, bà Trịnh Thị Cẩm N còn nợ V1 số tiền cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 39.619.892 đồng;

- Nợ lãi: 45.984.929 đồng. Trong đó: lãi trong hạn là 1.271.114 đồng; lãi quá hạn là 44.713.815 đồng;

Tổng cộng: 85.604.821 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà N phải thanh toán toàn bộ số nợ trên là 85.604.821 đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/5/2026 theo mức lãi suất thoả thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi bà N thanh toán xong nợ.

Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu nào khác.

Đối với bị đơn Bà Trịnh Thị Cẩm N: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn bà Trịnh Thị Cẩm N theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên bà N không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên

tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trịnh Thị Cẩm N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/5/2026 là 85.604.821 đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/5/2026 theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Các Hợp đồng tín dụng được ký giữa Ngân hàng TMCP V và bà Trịnh Thị Cẩm N với mục đích phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm, nay có phát sinh tranh chấp nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Bị đơn bà Trịnh Thị Cẩm N cư trú tại Tổ D, khu phố P, phường P. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Trọng T1 vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn bà Trịnh Thị Cẩm N vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét tính pháp lý của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên:

Ngân hàng TMCP V thực hiện giao dịch cấp tín dụng cho bà N theo Hợp đồng cho vay số LD2411602064 ngày 25/4/2024. Tại thời điểm ký các hợp đồng tín dụng các chủ thể tham gia ký hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện thỏa thuận, nội dung thỏa thuận không trái quy định hay vi phạm điều cấm của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật và buộc các bên phải thi hành.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ các hợp đồng tín dụng các bên đã ký và B tóm tắt sao kê do Ngân hàng TMCP V cung cấp xác định:

Tính đến ngày 20/5/2026 bà N còn nợ Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng tín dụng đã ký như sau:

- Nợ gốc: 39.619.892 đồng;

- Nợ lãi: 45.984.929 đồng;

Trong đó: lãi trong hạn là 1.271.114 đồng; lãi quá hạn là 44.713.815 đồng

Tổng cộng: 85.604.821 đồng.

Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu bà N cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh quá trình vay và thanh toán của mình, tuy nhiên bà N từ chối tham gia tố tụng, không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Trong trường hợp này bị đơn được xem là cố tình vắng mặt nhằm từ chối thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký.

Việc bà N không thanh toán nợ đúng hạn là vi phạm thoả thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP V. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự cần buộc bà N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc 39.619.892 đồng.

Xét yêu cầu thanh toán tiền lãi: Ngân hàng TMCP V xác định tính đến ngày 20/5/2026 lãi quá hạn bà N phải thanh toán là 45.984.929 đồng

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, Khoản 1, Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định lãi suất trong hoạt động cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng được áp dụng theo cơ chế tự thỏa thuận, miễn không chạm mức lãi suất do pháp luật hình sự cấm thì được công nhận. Do đó mức lãi suất cho vay thể hiện tại các hợp đồng tín dụng là phù hợp.

Tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/06/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng như sau: *"Chỉ TCPHT được thu phí của chủ thẻ. TCPHT thu phí theo Biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức mình và không được thu thêm bất kỳ loại phí nào ngoài Biểu phí đã công bố. Biểu phí dịch vụ thẻ phải nêu rõ các loại phí, mức phí áp dụng cho từng loại thẻ và dịch vụ thẻ. Biểu phí dịch vụ thẻ của TCPHT phải phù hợp với quy định của pháp luật, được niêm yết công khai và phải cung cấp cho chủ thẻ trước khi sử dụng và khi có sự thay đổi. Các hình thức thông báo và cung cấp thông tin về phí cho chủ thẻ phải được quy định cụ thể trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ. Thời gian từ khi thông báo đến khi áp dụng các thay đổi về phí tối thiểu là 07 ngày và phải được quy định cụ thể trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ".*

Xét thấy, việc bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngoài việc thanh toán nợ gốc thì bà N còn phải thanh toán lãi theo hợp đồng đã ký. Do đó, Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà N phải thanh toán tiền lãi phát sinh tính đến ngày 20/5/2026 là 45.984.929 đồng và bà N phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi tính từ ngày 21/5/2026 cho đến khi Ngân hàng TMCP V thu hồi hết nợ là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bà N thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ tính đến ngày 20/5/2026 là 85.604.821 đồng.

Bà N phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán các khoản lãi và phí phát sinh tính từ ngày 21/5/2026 cho đến khi Ngân hàng TMCP V thu hồi hết nợ.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên cần buộc bị đơn bà Trịnh Thị Cẩm N đóng án phí dân sự sơ thẩm là 4.280.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 100 Luật các Tổ chức tín dụng 2024;

Căn cứ các Điều 13, 14, 21 Thông tư quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng số 21/VBHN-NHNN ngày 16/7/2024 của Ngân hàng N1;

Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Trịnh Thị Cẩm N về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Buộc bà Trịnh Thị Cẩm N thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 20/5/2026 là 85.604.821đ (tám mươi lăm triệu sáu trăm linh bốn nghìn tám trăm hai mươi mốt đồng). Trong đó: Nợ gốc: 39.619.892đ (ba mươi chín triệu sáu trăm mười chín nghìn tám trăm chín mươi hai đồng); Nợ lãi: 45.984.929đ (bốn mươi lăm triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi chín đồng) (bao gồm lãi trong hạn: 1.271.114 đồng; lãi quá hạn: 44.713.815 đồng).

Bà Trịnh Thị Cẩm N có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/5/2026 cho Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng cho vay số LD2322901721 ngày 17/8/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Thị Cẩm N phải nộp số tiền 4.280.000đ (bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

H2 lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 1.658.000đ (một triệu sáu trăm năm mươi tám đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 51768 ngày 22/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét

xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HM;
- VKSND khu vực 12 - TP.HCM;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Thường